

Số: 17 /2024/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/1/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT) như sau:

1. Sửa đổi tên Thông tư như sau:

“Thông tư hướng dẫn việc chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trách nhiệm và quyền hạn của các bên có liên quan”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là cơ sở), trừ các cơ sở sau:

a) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét;

c) Sơ chế nhỏ lẻ;

d) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

đ) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn;

e) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

2. Đối tượng kiểm tra về an toàn thực phẩm:

a) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm của các cơ sở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động giới thiệu, dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối.

2. Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông, lâm, thủy sản: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản, sản xuất muối.

3. Thẩm định: là hoạt động xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở theo quy định của pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Giấy chứng nhận); kiểm tra an toàn thực phẩm

1. Cơ quan thẩm quyền Trung ương cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm là các Cục quản lý chuyên ngành được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công theo phạm vi quản lý đối với cơ sở:

a) Xuất khẩu trực tiếp hoặc tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận y tế, chứng nhận an toàn thực phẩm bởi Cơ quan thẩm quyền Việt Nam;

b) Có yêu cầu đăng ký, lập, bổ sung cơ sở vào danh sách xuất khẩu hoặc cấp các chứng nhận khác bởi cơ quan có thẩm quyền Việt Nam theo quy định của thị trường nhập khẩu;

2. Cơ quan thẩm quyền địa phương là các cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố giao thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa phương và tàu cá của địa phương khác có nhu cầu (trừ các cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này);

Trường hợp Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu không yêu cầu Cơ quan thẩm quyền Trung ương trực tiếp cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, Cơ quan thẩm quyền địa phương thực hiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở nêu tại điểm a, b Khoản 1 Điều này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cấp Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm

1. Cấp Giấy chứng nhận được áp dụng đối với:

- a) Cơ sở thuộc diện phải có Giấy chứng nhận khi hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này nhưng chưa được thẩm định, cấp Giấy chứng nhận;
- b) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng bị thu hồi;
- c) Cơ sở có Giấy chứng nhận còn hiệu lực ít hơn 6 (sáu) tháng hoặc cơ sở ngừng sản xuất quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận;
- d) Cơ sở có thay đổi về người đại diện pháp luật hoặc thay đổi hệ thống quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm so với ban đầu (sửa chữa, nâng cấp, mở rộng sản xuất, chuyển địa điểm sản xuất mới).

2. Kiểm tra an toàn thực phẩm được thực hiện theo Điều 17 Thông tư này.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 7 như sau:

“d) Lấy mẫu kiểm nghiệm: Do Đoàn thẩm định xem xét quyết định dựa trên đánh giá nguy cơ khi có nghi ngờ sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm, hoạt động kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ sở không đảm bảo. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Phương pháp thẩm định: bao gồm hoạt động xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm: nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện và phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu (khi cần thiết).”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phân loại cơ sở

1. Phân loại cơ sở:

- a) Đạt: Cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;
- b) Không đạt: Cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc còn điểm không phù hợp không thể khắc phục trong thời hạn yêu cầu.

2. Hướng dẫn thẩm định, phân loại theo mẫu biên bản thẩm định tương ứng các loại hình cơ sở quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, việc thẩm định điều kiện cơ sở thực hiện theo các quy định đối với ngành, lĩnh vực tương ứng.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 10 như sau:

“1. Yêu cầu đối với thành viên đoàn thẩm định

a) Trung thực, khách quan, không có xung đột lợi ích với cơ sở được thẩm định;

b) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thẩm định;

c) Đã tham gia khóa đào tạo hoặc tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thẩm định hoặc khóa đào tạo hoặc tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thẩm định.

2. Yêu cầu đối Trưởng đoàn thẩm định

a) Đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác và đã tham gia thẩm định ít nhất 05 cơ sở trong lĩnh vực thẩm định.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Phí, lệ phí

Việc thu phí, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.

12. Sửa đổi, bổ sung tên Chương II như sau:

“CHƯƠNG II

CHỨNG NHẬN, KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM”

13. Sửa đổi tên Mục 1 Chương II như sau:

“Mục 1. CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận bao gồm các thành phần được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo Phụ lục V kèm theo Thông tư này; Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này; Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cho Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại cơ quan thẩm quyền.

3. Sau khi nhận được hồ sơ của cơ sở, Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo kết quả tới cơ sở, ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này ban hành quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ. Quyết định thành lập đoàn thẩm định gồm các nội dung sau:

- a) Căn cứ thẩm định;
- b) Phạm vi, nội dung;
- c) Tên, địa chỉ của cơ sở được thẩm định;
- d) Họ tên, chức danh của trưởng đoàn, phó đoàn (nếu có) và các thành viên trong đoàn;
- đ) Trách nhiệm của cơ sở và đoàn thẩm định.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Tổ chức thẩm định tại cơ sở

Thực hiện thẩm định tại cơ sở trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật An toàn thực phẩm, cụ thể:

1. Đoàn thẩm định công bố quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định.
2. Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở.

4. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”

17. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 15 như sau:

“d) Nêu kết luận chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định của cơ sở.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Xử lý kết quả thẩm định và cấp, thu hồi Giấy Chứng nhận

Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Cơ quan thẩm quyền thực hiện thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần) và thực hiện như sau:

1. Kết quả thẩm định đạt:

a) Cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm. Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 3 (ba) năm kể từ ngày cấp.

b) Trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định, việc cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở được thực hiện khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Cơ quan thẩm quyền thẩm tra đạt yêu cầu.

2. Kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương để giám sát cơ sở không được hoạt động.

3. Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra và thực hiện việc cấp Giấy Chứng nhận theo điểm a khoản 1 Điều này.

4. Định kỳ, Cơ quan thẩm quyền thống kê, cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin điện tử về Danh sách cơ sở được cấp Giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực và các cơ sở chưa đáp ứng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận

a) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm;

b) Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận: Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Cơ quan thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của cơ sở nêu tại điểm a khoản 5 Điều này khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định ATTP hoặc thu hồi theo đề nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của cơ sở sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp còn hiệu lực bị mất, hư hỏng, Cơ quan thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, xem xét và cấp Bản sao từ sổ gốc theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc sau khi nhận được đề nghị của cơ sở hoặc có văn bản từ chối và nêu rõ lý do không cấp.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ, địa giới hành chính nhưng không thay đổi vị trí và Giấy chứng nhận còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận.”

19. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 2 Chương II như sau:

“Mục 2. KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Kiểm tra an toàn thực phẩm

1. Đối tượng kiểm tra: Các cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

2. Nguyên tắc kiểm tra: Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật An toàn thực phẩm.

3. Hoạt động kiểm tra:

a) Thực hiện bởi Đoàn kiểm tra được Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này thành lập, có trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 70 Luật An toàn thực phẩm;

b) Hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở phải lập Biên bản theo mẫu tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn kiểm tra lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra theo kế hoạch:

a) Hằng năm, cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này căn cứ yêu cầu quản lý, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, diễn biến sự cố an toàn thực phẩm, kết quả giám sát an toàn thực phẩm, kết quả thanh tra, kiểm tra kỳ trước và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật An toàn thực phẩm và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trước khi tiến hành kiểm tra tối thiểu 3 (ba) ngày, cơ quan thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở được kiểm tra;

c) Tần suất kiểm tra: không quá 01 lần/cơ sở/năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Kiểm tra đột xuất: Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất (không thông báo trước) trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm;

b) Có cảnh báo của tổ chức trong nước, nước ngoài và các tổ chức quốc tế liên quan đến an toàn thực phẩm hoặc có phản ánh của các tổ chức, cá nhân về đảm bảo an toàn thực phẩm liên quan đến cơ sở;

c) Kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên.

6. Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan thẩm quyền thực hiện:

a) Thông báo kết quả tới cơ sở đối với trường hợp kiểm tra đạt yêu cầu.

b) Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt: Có văn bản yêu cầu cơ sở thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong Biên bản kiểm tra, cơ sở có trách nhiệm báo cáo kết quả, kèm theo bằng chứng khắc phục trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu.

c) Trường hợp cơ sở không báo cáo theo thời hạn yêu cầu hoặc kết quả khắc phục của cơ sở không đạt, Cơ quan thẩm quyền thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của cơ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này hoặc Thông báo kết quả kiểm tra tới tổ chức chứng nhận đã cấp Giấy chứng nhận khác đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 để thu hồi hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận đã cấp; Trường hợp tổ chức chứng nhận không thực hiện thu hồi, đình chỉ Giấy chứng nhận của cơ sở có vi phạm về an toàn thực phẩm, đề nghị Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp xem xét, xử lý đối với tổ chức chứng nhận (nếu có vi phạm) theo quy định của pháp luật.”

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Quy định cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Bổ trí nguồn lực và cấp kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương để các Cơ quan thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.”

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trong phạm vi được phân công.”

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Cơ quan thẩm quyền Trung ương

1. Hướng dẫn công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra an toàn thực phẩm trong toàn hệ thống từ trung ương đến địa phương thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Hướng dẫn áp dụng thống nhất tài liệu, biểu mẫu, phương pháp thẩm định đối với các cơ sở được phân công quản lý. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất, xây dựng và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mẫu biên bản thẩm định phù hợp với tính chất đặc thù của cơ sở.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định và của cơ quan thẩm quyền địa phương.

4. Hằng năm lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

5. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm, thực phẩm phối chế, hỗn hợp nhiều thành phần (thực vật, động vật, thủy sản) được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này và quy định tại Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

6. Cục Bảo vệ thực vật cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc thực vật để xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Cục Bảo vệ thực vật giới thiệu, lập danh sách các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc thực vật để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận khác về an toàn thực phẩm trên cơ sở Giấy chứng nhận do Cơ quan có thẩm quyền địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận tương đương còn hiệu lực và đáp ứng các tiêu chí về an toàn thực phẩm của các quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu. Cục Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế các cơ sở này khi cần thiết.

7. Cục Thú y tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Cục Thú y đăng ký, giới thiệu, lập danh sách các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn dùng làm thực phẩm để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận khác về an toàn thực phẩm trên cơ sở Giấy chứng nhận do Cơ quan có thẩm quyền địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận tương đương còn hiệu lực và đáp ứng các tiêu chí về an toàn thực phẩm của các quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu. Cục Thú y tổ chức kiểm tra thực tế các cơ sở này khi cần thiết.

8. Tổng hợp, cập nhật danh sách và công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thẩm quyền và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của cơ quan thẩm quyền địa phương.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Cơ quan thẩm quyền địa phương

1. Tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố phân công, phân cấp.

2. Thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định.

4. Định kỳ, tổng hợp, cập nhật và công khai trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền và của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý tại địa phương.

5. Lưu trữ các hồ sơ liên quan đến hoạt động cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp.”

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 24 như sau:

“5. Nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.”

26. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số Điều, Phụ lục của Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT như sau:

a) Bãi bỏ Điều 9, Điều 18;

b) Bổ sung Phụ lục IA Mẫu Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở;

c) Thay thế mẫu Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại Phụ lục II, Phụ lục III bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Phụ lục V bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Phụ lục VI bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Phụ lục IV bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT) như sau:

1. Sửa đổi tên Thông tư như sau:

“ Thông tư quy định về thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền thực hiện thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm để đăng ký, bổ sung cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản (sau đây gọi là Cơ sở) vào danh sách xuất khẩu sang quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu: đăng ký, lập danh sách cơ sở xuất khẩu, lô hàng xuất khẩu được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm bởi Cơ quan thẩm quyền Việt Nam (sau đây gọi là Danh sách xuất khẩu); Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Giấy chứng nhận ATTP) theo quy định của Luật An toàn thực phẩm; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu.

2. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền thực hiện thẩm định, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu (sau đây gọi là Chứng thư) theo yêu cầu của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng bao gồm:

a) Cơ sở tham gia trong chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm thủy sản để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu đăng ký, lập Danh sách xuất khẩu;

b) Lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm bởi Cơ quan thẩm quyền Việt Nam;

c) Đối với lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu có yêu cầu chứng nhận kiểm dịch theo quy định của thị trường nhập khẩu, Cơ quan thẩm định, cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện đồng thời hoạt động thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP) và kiểm dịch.

2. Các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này:

a) Cơ sở chỉ tiêu thụ nội địa và không thuộc đối tượng nêu tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.”

4. Bổ sung khoản 8, khoản 9 vào Điều 3 như sau:

“8. *Lô hàng sản phẩm mẫu*: là lô hàng được xuất khẩu với mục đích để giới thiệu sản phẩm, trưng bày hội chợ, triển lãm, nghiên cứu, không đưa ra tiêu thụ với mục đích thương mại dùng làm thực phẩm và có khối lượng tổng cộng đăng ký, cấp chứng thư xuất khẩu không quá 50 kg.

9. *Thẩm định*: là hoạt động xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở và quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm thủy sản để xuất khẩu theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Căn cứ để thẩm định, chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm

Căn cứ để thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP, cấp Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu, kiểm tra an toàn thực phẩm là các quy định tại Điều 41, 42, 68, 69, 70 của Luật ATTP; các quy định, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quy định về ATTP thủy sản của thị trường nhập khẩu.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Cơ quan thẩm định

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP, thẩm định bổ sung Danh sách xuất khẩu, kiểm tra ATTP (*sau đây gọi là Cơ quan thẩm định*) là: Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc được phân công thực hiện theo khu vực (Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ).

2. Cơ quan thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu; giám sát điều kiện đảm bảo ATTP cơ sở và lô hàng sau chứng nhận (*sau đây gọi là Cơ quan cấp chứng thư*) là: các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6 được Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường phân công thực hiện theo địa bàn.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Yêu cầu đối với kiểm tra viên, thành viên Đoàn thẩm định

1. Yêu cầu đối với kiểm tra viên

a) Trung thực, khách quan, không có xung đột lợi ích với cơ sở được thẩm định;

b) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thẩm định;

c) Đã tham gia khóa đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ thẩm định hoặc khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thẩm định.

2. Yêu cầu đối Trưởng đoàn thẩm định

a) Đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực thẩm định và đã tham gia thẩm định ít nhất 05 (năm) cơ sở trong lĩnh vực thẩm định.

3. Yêu cầu đối với người lấy mẫu

a) Có chuyên môn phù hợp;

b) Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về lấy mẫu hoặc có chứng chỉ, giấy chứng nhận tham gia đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu thực phẩm.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Phí và lệ phí

Việc thu phí, lệ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP; phí, lệ phí thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”

9. Sửa đổi tên Chương II như sau:

“Chương II. THẨM ĐỊNH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM, BỔ SUNG DANH SÁCH XUẤT KHẨU”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP

1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP bao gồm các thành phần được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo Phụ lục I kèm theo Thông tư này; Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này; Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ quan thẩm quyền qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Cơ quan thẩm quyền.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Xử lý hồ sơ

1. Sau khi nhận được hồ sơ của Cơ sở, Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo kết quả tới Cơ sở, ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do.

2. Thực hiện thẩm định tại Cơ sở trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật An toàn thực phẩm.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Cấp Giấy chứng nhận ATTP

Thẩm định để cấp Giấy chứng nhận ATTP được áp dụng đối với:

1. Cơ sở thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận ATTP thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Thông tư này mà chưa được thẩm định, cấp Giấy chứng nhận.

2. Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP nhưng bị thu hồi hoặc cơ sở ngừng sản xuất quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền.

3. Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP nhưng thay đổi người đại diện pháp luật hoặc có thay đổi về hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm so với phạm vi đã được thẩm định, chứng nhận trước đó.

4. Cơ sở có Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực ít hơn 6 tháng;

5. Cơ sở có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 nhưng không duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận khác và có nhu cầu tham gia Chương trình chứng nhận xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này.”

13. Sửa đổi tên Điều 13 như sau:

“Điều 13. Thành lập Đoàn thẩm định”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Cơ quan thẩm quyền ban hành quyết định thành lập đoàn thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP, bao gồm Trưởng đoàn và các thành viên đoàn thẩm định đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Nội dung thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP của Cơ sở bao gồm:

a) Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực tham gia sản xuất, quản lý về ATTP;

b) Chương trình quản lý ATTP theo nguyên tắc HACCP (nếu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng);

c) Thủ tục truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn;

d) Các yêu cầu đặc thù của thị trường nhập khẩu tương ứng mà Cơ sở đăng ký xuất khẩu (nếu có);

đ) Điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở cung cấp nguyên liệu cho Cơ sở (nếu cần);

e) Việc chấp hành các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (quy định IUU) trong sản xuất, chế biến, xuất khẩu thủy sản khai thác (nếu có);

g) Lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này: Do Đoàn thẩm định xem xét quyết định dựa trên đánh giá nguy cơ về ATTP trong quá trình thẩm định tại Cơ sở. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Biên bản thẩm định

1. Biên bản thẩm định theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, việc thẩm định điều kiện cơ sở thực hiện theo các quy định đối với ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Yêu cầu đối với biên bản thẩm định:

a) Phải được đoàn thẩm định lập tại Cơ sở ngay sau khi kết thúc thẩm định;

b) Thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả thẩm định;

c) Ghi rõ các hạng mục không đáp ứng yêu cầu, quy chuẩn, quy định về an toàn thực phẩm và thời hạn yêu cầu Cơ sở khắc phục các điểm chưa phù hợp;

d) Nêu kết luận chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

đ) Có ý kiến của người đại diện có thẩm quyền của Cơ sở về kết quả thẩm định, cam kết khắc phục các điểm không phù hợp (nếu có);

e) Có chữ ký của trưởng đoàn thẩm định, chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của Cơ sở, đóng dấu giáp lai của Cơ sở (nếu có) vào Biên bản thẩm định hoặc ký từng trang trong trường hợp Cơ sở không có con dấu;

g) Trường hợp đại diện Cơ sở không đồng ý ký tên vào Biên bản thẩm định thì đoàn thẩm định phải ghi: “Đại diện Cơ sở được thẩm định không ký Biên bản” và nêu rõ lý do đại diện Cơ sở không ký. Biên bản này vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên trong Đoàn thẩm định;

h) Được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau: 01 (một) bản lưu tại cơ quan thẩm quyền, 01 bản giao cho Cơ sở; trường hợp cần thiết có thể tăng thêm số bản do Trưởng đoàn thẩm định quyết định.”

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Xử lý kết quả thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP

Sau khi nhận được Biên bản thẩm định, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra biên bản thẩm định (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá (nếu cần)) và thực hiện như sau:

1. Kết quả thẩm định đạt yêu cầu:

a) Thông báo kết quả thẩm định, cấp mã số (trường hợp Cơ sở chưa có mã số) theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này tới Cơ sở; cấp Giấy chứng nhận ATTP có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm theo Mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp có lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình thẩm định, việc cấp Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ sở được thực hiện khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Đối với mẫu kiểm nghiệm có kết quả không đạt, việc cấp Giấy chứng nhận ATTP chỉ được thực hiện sau khi Cơ sở có báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp và được Cơ quan thẩm quyền thẩm tra đạt yêu cầu.

2. Kết quả thẩm định không đạt:

a) Trường hợp, Cơ sở không thể khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền gửi thông báo kết quả, nêu rõ lý do không đạt, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Điều 18 Thông tư này, đồng gửi Cơ quan quản lý ATTP ở địa phương để giám sát Cơ sở không được hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm.

b) Trường hợp, Cơ sở có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra, xác nhận đạt yêu cầu trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm, Cơ quan thẩm quyền thực hiện cấp Giấy chứng nhận ATTP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Thu hồi Giấy chứng nhận ATTP

1. Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm.

2. Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận ATTP: Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

3. Cơ quan thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận ATTP đã cấp đối với Cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định ATTP hoặc thu hồi theo đề nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của Cơ sở sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan thanh tra, kiểm tra.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Thay đổi Giấy chứng nhận ATTP

1. Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực bị mất, thất lạc, hư hỏng; Giấy chứng nhận bị sai lỗi hành chính trong khi phát hành; Cơ sở có thay đổi thông tin về tên, địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính nhưng không thay đổi người đại diện pháp luật, không thay đổi hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đã được thẩm định, chứng nhận.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Cơ quan thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ lưu, xem xét việc đổi Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ sở với thời hạn hiệu lực trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ATTP hiện có hoặc có văn bản từ chối, nêu rõ lý do gửi Cơ sở.”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Phạm vi và đối tượng tham gia Chương trình

1. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu bao gồm: hoạt động thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với Cơ sở để bổ sung Danh sách xuất khẩu và thẩm định cấp Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu vào các quốc gia, vùng lãnh thổ theo yêu cầu thị trường nhập khẩu. Danh mục quốc gia, vùng lãnh thổ nêu tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu là tự nguyện, các Cơ sở có nhu cầu xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện việc đăng ký thẩm định, bổ sung vào Danh sách xuất khẩu, thẩm định cấp chứng thư với Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Trong trường hợp có yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thông báo đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và tổ chức thực hiện, đồng thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật Danh mục thị trường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản quy định của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

4. Các Cơ sở tham gia Chương trình có đăng ký thẩm định, bổ sung Danh sách xuất khẩu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và được Cơ quan thẩm quyền thẩm định đáp ứng:

a) Các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt Nam;

b) Quy định, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm ATTP của nước nhập khẩu tương ứng.”

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Danh sách xuất khẩu

1. Danh sách xuất khẩu là danh sách bao gồm các Cơ sở có kết quả thẩm định theo quy định tại Chương II Thông tư này đạt yêu cầu, đáp ứng tiêu chí nêu tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 20 Thông tư này, bao gồm:

a) Các Cơ sở thuộc đối tượng được Giấy chứng nhận ATTP;

b) Cơ sở có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 còn hiệu lực;

c) Các cơ sở đã có tên trong Danh sách xuất khẩu nhưng bổ sung thị trường mới có yêu cầu lập Danh sách, bổ sung nhóm sản phẩm mới chưa được thẩm định, chứng nhận.

2. Hàng tháng hoặc theo thời hạn yêu cầu của nước nhập khẩu, Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này thực hiện đăng ký, giới thiệu, xác nhận, chứng nhận điều kiện bảo đảm ATTP và lập Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường tương ứng gửi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu để đề nghị công nhận; cập nhật danh sách xuất khẩu các thị trường lên cổng thông tin điện tử sau khi danh sách được công nhận.

3. Cơ sở bị đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu vào thị trường tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở có văn bản đề nghị rút tên khỏi Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở không tiếp tục đáp ứng tiêu chí tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư này hoặc Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có văn bản đề nghị đưa tên ra khỏi danh sách xuất khẩu;

c) Cơ sở có kết quả kiểm tra ATTP không đạt theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 35 Thông tư này và không được Cơ quan thẩm quyền thẩm định đánh giá đạt yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thông báo kết quả kiểm tra;

d) Cơ sở ngừng sản xuất từ 12 (mười hai) tháng trở lên kể từ thời điểm có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền và không được Cơ quan cấp chứng thư nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện kiểm tra, giám sát điều kiện đảm bảo ATTP.”

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Danh sách ưu tiên

1. Danh sách ưu tiên là danh sách các Cơ sở có lịch sử tốt bảo đảm ATTP, đáp ứng các tiêu chí nêu tại khoản 3 Điều này và được áp dụng hình thức chứng nhận thủy sản xuất khẩu tương ứng với mức xếp loại ưu tiên theo quy định tại Mục 2 Chương này.

2. Xếp loại ưu tiên với Cơ sở có lịch sử tốt bảo đảm ATTP:

a) Cơ sở được xếp loại ưu tiên hạng 2 khi có ít nhất 05 (năm) lô hàng xuất khẩu và không bị Cơ quan cấp chứng thư hoặc thị trường nhập khẩu phát hiện sản phẩm không bảo đảm ATTP đối với các chỉ tiêu: vi sinh vật gây bệnh; ký sinh trùng gây bệnh; tồn dư chất ô nhiễm, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; phụ gia, chất hỗ trợ chế biến; độc tố sinh học; chất gây dị ứng trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng kể từ ngày được thông báo kết quả thẩm định Đạt theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Cơ sở ưu tiên hạng 2 được xếp loại ưu tiên hạng 1 khi tiếp tục duy trì điều kiện bảo đảm ATTP trong thời gian tối thiểu 3 (ba) tháng kể từ ngày vào danh sách ưu tiên, có ít nhất 05 (năm) lô hàng xuất khẩu và không bị Cơ quan cấp chứng thư hoặc thị trường nhập khẩu phát hiện sản phẩm không bảo đảm ATTP đối với các chỉ tiêu nêu tại điểm a khoản 2 Điều này;

Trong thời gian được xem xét xếp loại ưu tiên, Cơ sở không có hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ sở được đưa vào danh sách ưu tiên đáp ứng tiêu chí:

a) Cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở được xếp loại: Ưu tiên hạng 1, Ưu tiên hạng 2.

4. Cơ sở bị đưa ra khỏi danh sách ưu tiên trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở không đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Cơ sở không được cấp Chứng thư theo quy định tại điểm b, c, đ khoản 1 Điều 26 Thông tư này;

c) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu, mẫu thẩm tra mối nguy ATTP bị Cơ quan cấp Chứng thư hoặc thị trường nhập khẩu phát hiện không bảo đảm ATTP theo quy định đối với các chỉ tiêu nêu tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Cơ sở có hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở được đưa trở lại danh sách ưu tiên

a) Đáp ứng các tiêu chí nêu tại khoản 3 Điều này;

b) Cơ sở hoàn thành việc báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân, thực hiện hành động khắc phục, được Cơ quan cấp chứng thư chấp thuận đạt yêu cầu đối với trường hợp Cơ sở nêu tại điểm c khoản 4 Điều này hoặc trong thời gian 3 (ba) tháng kể từ ngày cơ sở đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

6. Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện cập nhật danh sách ưu tiên đối với Cơ sở thuộc địa bàn trong thời hạn tối đa 3 (ba) ngày kể từ thời điểm Cơ sở đáp ứng yêu cầu nâng hạng xếp loại ưu tiên, đưa vào, đưa trở lại danh sách ưu tiên quy định tại khoản 2, 3, 5 Điều này hoặc kể từ thời điểm nhận được thông tin Cơ sở thuộc trường hợp đưa ra khỏi danh sách ưu tiên quy định tại khoản 4 Điều này.”

23. Bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Đối với lô hàng sản phẩm mẫu: Cơ quan cấp chứng thư thực hiện cấp Chứng thư cho lô hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Yêu cầu đối với sản phẩm xuất khẩu

1. Được sản xuất, bảo quản tại Cơ sở có tên trong danh sách các Cơ sở tham gia chương trình chứng nhận xuất khẩu theo từng thị trường nhập khẩu tương ứng.

2. Đáp ứng các quy định an toàn thực phẩm, ghi nhãn các thông tin bắt buộc theo quy định của thị trường nhập khẩu, không làm sai lệch bản chất của hàng hoá và không vi phạm pháp luật Việt Nam.

3. Đối với sản phẩm được sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản từ các Cơ sở khác nhau:

a) Cơ sở thực hiện công đoạn sản xuất cuối cùng (bao gói, ghi nhãn sản phẩm) hoặc cơ sở bảo quản (theo yêu cầu thị trường nhập khẩu) có tên trong danh sách xuất khẩu theo thị trường tương ứng;

b) Cơ sở thực hiện các công đoạn sản xuất trước đó phải đáp ứng các quy định về điều kiện bảo đảm ATTP của Việt Nam và thị trường nhập khẩu tương ứng;

c) Các Cơ sở tham gia vận chuyển, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, xuất khẩu lô hàng có văn bản cam kết cùng chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý của Cơ quan cấp chứng thư trong trường hợp lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo hoặc Cơ quan cấp chứng thư phát hiện vi phạm về ATTP;

d) Các Cơ sở tham gia vận chuyển, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, xuất khẩu lô hàng có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ sản xuất và kiểm soát ATTP, hồ sơ bảo quản, xuất khẩu đối với các công đoạn sản xuất do Cơ sở thực hiện, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của pháp luật.

4. Đối với sản phẩm thủy sản sống dùng làm thực phẩm xuất khẩu:

a) Đáp ứng quy định nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này;

b) Sản phẩm được nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, bao gói, vận chuyển, xuất khẩu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 20, 21 và Điều 23 Luật An toàn thực phẩm;

c) Cơ sở thực hiện công đoạn sản xuất cuối cùng (bao gói, ghi nhãn sản phẩm) tổ chức xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, bao gói, xuất khẩu đảm bảo ATTP và tuân thủ quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT.”

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 25 như sau:

“1. Lô hàng xuất khẩu được cấp Chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu tương ứng và chứng thư theo mẫu của quốc gia lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất (nếu có yêu cầu) có nội dung phù hợp, thống nhất với chứng thư của thị trường nhập khẩu và/hoặc giấy chứng nhận, xác nhận khác có liên quan đến lô hàng xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Chứng thư có nội dung, hình thức phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu tương ứng và được đánh số theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, chứng thư có thể kèm theo phụ lục để phục vụ chứng nhận đầy đủ các thông tin của lô hàng theo quy định.”

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Cơ quan cấp chứng thư không cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu được sản xuất tại các Cơ sở sau:

a) Cơ sở bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu thông báo tạm dừng nhập khẩu hoặc bị áp dụng biện pháp dừng cấp chứng thư, tạm dừng xuất khẩu theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành biện pháp quản lý trên cơ sở có yêu cầu của thị trường nhập khẩu;

b) Cơ sở có kết quả thẩm định, kiểm tra không đạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 và khoản 1 Điều 35 Thông tư này;

c) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;

d) Cơ sở không khắc phục điểm không phù hợp, sai lỗi được phát hiện thông qua giám sát an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư này ;

đ) Cơ sở đang trong thời gian bị đình chỉ sản xuất theo quy định tại Điều 30, Điều 33 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc bị áp dụng biện pháp xử phạt tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ATTP hoặc đình chỉ hoạt động theo quy định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính về chất lượng, an toàn thực phẩm;

e) Cơ sở có văn bản thông báo tạm ngừng sản xuất.”

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Thẩm tra hiệu quả kiểm soát môi nguy ATTP

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Chi tiêu thẩm tra thực hiện theo quy định nêu tại danh mục chỉ tiêu ATTP, mức giới hạn cho phép theo yêu cầu của thị trường nhập khẩu tương ứng và được Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường cập nhật, thông báo định kỳ hoặc đột xuất khi có phát sinh yêu cầu quản lý;

b) Tần suất lấy mẫu thẩm tra tối thiểu đối với Cơ sở như sau: Ưu tiên hạng 1: 1 tháng/lần; Ưu tiên hạng 2: 1 tháng/2 lần. Trong trường hợp thực tế sản xuất, xuất khẩu sản phẩm của Cơ sở không đáp ứng tần suất lấy mẫu theo quy định trong tháng, tần suất lấy mẫu sẽ do Cơ quan cấp chứng thư quyết định;

c) Tỷ lệ lấy mẫu thẩm tra: Được xác định dựa trên điều kiện bảo đảm ATTP; lịch sử bảo đảm ATTP; mức nguy cơ của sản phẩm; quy mô, công suất hoặc sản lượng sản xuất của Cơ sở theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm Thông tư này;

Trên cơ sở đánh giá nguy cơ hoặc theo quy định mới của thị trường nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật nội dung quy định tại Phụ lục X cho phù hợp;

d) Vị trí lấy mẫu: Tại công đoạn sản xuất bất kỳ: trên dây chuyền; kho bảo quản; cơ sở nuôi, cơ sở thu mua, sơ chế, bao gói ban đầu đối với thủy sản tươi ướp đá, ướp lạnh, sống;

đ) Nội dung thẩm tra: Hồ sơ giám sát sản xuất, điều kiện bảo quản, thông tin truy xuất, lịch sử điều kiện đảm bảo ATTP của Cơ sở và các hồ sơ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu.

2. Kế hoạch thẩm tra đảm bảo ít nhất 1 lần/năm đối với mỗi nhóm sản phẩm được sản xuất, xuất khẩu của Cơ sở:

a) Căn cứ theo kế hoạch sản xuất, xuất khẩu sản phẩm của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thống nhất với Cơ sở kế hoạch thẩm tra bao gồm các nội dung: Thời điểm lấy mẫu, loại mẫu, số lượng mẫu dự kiến cho từng đợt và thông báo tới Cơ sở bằng văn bản hoặc thông qua phương thức chuyển thông tin phù hợp (thư điện tử, phần mềm trực tuyến);

b) Trường hợp có thay đổi kế hoạch sản xuất, xuất khẩu, Cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc gửi thông tin theo phương thức thông tin phù hợp tới Cơ quan cấp chứng thư không muộn quá 03 (ba) ngày làm việc hoặc 01 (một) ngày làm việc đối với cơ sở sản xuất sản phẩm thủy sản sống, tươi ướp đá so với thời điểm đã thống nhất tại kế hoạch trước đó.

3. Xử lý kết quả kiểm nghiệm mẫu thẩm tra:

a) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm nghiệm mẫu thẩm tra không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm của thị trường nhập khẩu, Cơ quan cấp chứng thư gửi thông báo mẫu không đạt theo mẫu nêu tại Phụ lục XVI Thông tư này;

Cơ sở có trách nhiệm thực hiện truy xuất nguồn gốc, điều tra xác định nguyên nhân, thiết lập và thực hiện các biện pháp khắc phục, bao gồm việc thu hồi, xử lý đối với sản phẩm không bảo đảm ATTP, lập báo cáo giải trình theo mẫu nêu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này gửi Cơ quan cấp chứng thư theo thời hạn yêu cầu;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo giải trình của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới Cơ sở. Trường hợp phải tổ chức thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc thẩm tra thực tế.”

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư cho 01 (một) lô hàng xuất khẩu bao gồm:

a) Giấy đăng ký cấp Chứng thư theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê chi tiết lô hàng theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu trong trường hợp chứng thư đăng ký qua hệ thống trực tuyến;

d) Trường hợp Chủ hàng không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng: cung cấp văn bản mua bán/gia công, uỷ thác với cơ sở sản xuất, chế biến lô hàng, trong đó có cam kết cả hai bên (cơ sở sản xuất và Chủ hàng) cùng chịu trách nhiệm khi lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo;

đ) Chủ hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến lô hàng xuất khẩu để phục vụ việc xác nhận, chứng nhận các nội dung trong chứng thư theo yêu cầu thị trường nhập khẩu tương ứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu hoặc căn cứ theo quy định của thị trường nhập khẩu về ngày ban hành chứng thư, Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký đến Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp; gửi theo đường bưu điện; thư điện tử hoặc nộp hồ sơ, khai báo các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu khi đăng ký trực tuyến.

3. Thẩm định, cấp chứng thư:

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ thông tin, Cơ quan cấp chứng thư tiến hành thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu, Chứng thư cho lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất theo mẫu tương ứng (khi có yêu cầu), có nội dung phù hợp, thống nhất với chứng thư của thị trường nhập khẩu trên cơ sở rà soát kết quả thẩm tra hiệu quả kiểm soát mối nguy ATTP nêu tại Điều 27 Thông tư này hoặc thực hiện xác nhận, nêu lý do không đủ điều kiện cấp chứng thư cho lô hàng xuất khẩu trong Giấy đăng ký cấp chứng thư.”

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Đăng ký thẩm định

1. Hồ sơ đăng ký thẩm định cho 01 (một) lô hàng xuất khẩu bao gồm:

a) Giấy đăng ký thẩm định theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê chi tiết lô hàng theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp Chủ hàng không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng: cung cấp văn bản mua bán/gia công, uỷ thác với cơ sở sản xuất, chế biến lô hàng kèm theo hồ sơ đăng ký, trong đó có cam kết cả hai bên (cơ sở sản xuất và Chủ hàng) cùng chịu trách nhiệm khi lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo.

2. Thời hạn gửi hồ sơ đăng ký:

a) Đối với thủy sản sống, tươi ướp đá: Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu;

b) Đối với các sản phẩm khác: Cơ sở thực hiện đăng ký và thống nhất thời gian thực hiện thẩm định, lấy mẫu với Cơ quan cấp chứng thư để đảm bảo có kết quả kiểm nghiệm trước thời điểm dự kiến lô hàng được xuất khẩu.

3. Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thẩm định đến Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện; hoặc thư điện tử hoặc nộp hồ sơ, khai báo các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu khi đăng ký trực tuyến.

4. Xử lý hồ sơ đăng ký: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan cấp chứng thư thẩm xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và hướng dẫn Chủ hàng bổ sung các nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định (nếu có).”

30. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 31 như sau:

“c. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày kết quả kiểm nghiệm được gửi cho Chủ hàng, nếu Chủ hàng không có ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm nghiệm, Cơ quan cấp chứng thư gửi cho Chủ hàng *Thông báo lô hàng không đạt* theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này; Chủ hàng có trách nhiệm điều tra nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý đối với lô hàng theo đúng thời hạn yêu cầu và lập báo cáo giải trình theo mẫu nêu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này gửi Cơ quan cấp chứng thư;

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo giải trình của Chủ hàng, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới chủ hàng, cơ sở sản xuất. Trường hợp thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc thẩm tra thực tế.”

31. Sửa đổi tên Điều 32 như sau:

“Điều 32. Thẩm định, cấp chứng thư”

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu hoặc căn cứ theo quy định của thị trường nhập khẩu về ngày ban hành chứng thư, Chủ hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến lô hàng xuất khẩu để phục vụ việc xác nhận, chứng nhận các nội dung trong chứng thư theo yêu cầu thị trường nhập khẩu tương ứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

Trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ thông tin, Cơ quan cấp Chứng thư thực hiện thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu, Chứng thư cho lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất theo mẫu tương ứng (khi có yêu cầu) nếu kết quả thẩm định, kiểm nghiệm của lô hàng đạt yêu cầu. Trường hợp lô hàng thủy sản sống, tươi ướp đá, Cơ quan cấp chứng thư được phép cấp chứng thư cho lô hàng trong khi chờ kết quả kiểm nghiệm và thực hiện xử lý kết quả kiểm nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư này”.

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Cấp lại Chứng thư

1. Khi Chứng thư đã cấp bị thất lạc, hư hỏng hoặc sai lỗi hành chính trong khi phát hành hoặc có thay đổi thông tin (trừ các thay đổi về định danh sản phẩm, khối lượng, quy cách sản phẩm, truy xuất nguồn gốc của lô hàng, nội dung đã thẩm định, chứng nhận về chất lượng, an toàn thực phẩm/an toàn bệnh thủy sản trong chứng thư đã cấp) hoặc có đề nghị của Cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất, Chủ hàng có văn bản đề nghị cấp lại Chứng thư trong đó nêu rõ lý do gửi Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện hoặc thư điện tử.

2. Cơ quan cấp chứng thư cấp lại Chứng thư trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chủ hàng hoặc có văn bản từ chối cấp lại, nêu rõ lý do gửi Chủ hàng.

3. Chứng thư cấp lại có nội dung chứng nhận thông tin định danh sản phẩm, khối lượng, quy cách sản phẩm, truy xuất nguồn gốc của lô hàng chính xác với nội dung của Chứng thư đã cấp; được đánh số mới theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này và có ghi chú: "*Chứng thư này thay thế cho Chứng thư số ..., cấp ngày ...*" hoặc ghi chú theo quy định của thị trường nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất."

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Kiểm tra, giám sát sau thẩm định, chứng nhận

1. Kiểm tra việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường:

a) Cơ quan thực hiện là Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Kiểm tra theo kế hoạch: Cơ quan thẩm quyền căn cứ yêu cầu quản lý, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, diễn biến sự cố an toàn thực phẩm, kết quả giám sát an toàn thực phẩm, kết quả thanh tra, kiểm tra kỳ trước và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật An toàn thực phẩm;

c) Hoạt động kiểm tra được thực hiện bởi Đoàn kiểm tra do Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này thành lập, có trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 70 Luật An toàn thực phẩm. Cơ quan thẩm quyền phải thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc cho Cơ sở được kiểm tra;

d) Tần suất kiểm tra theo kế hoạch không quá 01 lần/cơ sở/năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất quy định tại điểm e khoản này;

đ) Nội dung kiểm tra và biểu mẫu biên bản tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện hành vi vi phạm phải thực hiện lập Biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính và chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định;

e) Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất đối với cơ sở: khi có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm; kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên; khi có cảnh báo của tổ chức trong nước, nước ngoài và các tổ chức quốc tế liên quan đến an toàn thực phẩm; phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến an toàn thực phẩm; Cơ sở có kết quả phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất 2 (hai) lần không đạt liên tiếp.

g) Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan thẩm quyền thông báo kết quả kiểm tra đạt yêu cầu hoặc không đạt và yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp và báo cáo kết quả kèm theo bằng chứng khắc phục trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu;

Trường hợp, cơ sở không có báo cáo hoặc kết quả thực hiện khắc phục không đạt trong thời hạn yêu cầu, Cơ quan thẩm quyền xem xét đưa cơ sở ra khỏi Danh sách xuất khẩu, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP (nếu có); Thông báo kết quả kiểm tra tới tổ chức chứng nhận đã cấp Giấy chứng nhận khác đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018, đồng thời đề nghị Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp xem xét, xử lý đối với tổ chức chứng nhận theo quy định của pháp luật.

2. Giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường:

a) Cơ quan thực hiện là Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Hoạt động giám sát do kiểm tra viên đáp ứng yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này thực hiện (trường hợp cần thiết Cơ quan cấp chứng thư thành lập Đoàn để thực hiện giám sát);

c) Tần suất: không quá 1 lần/cơ sở/năm (trừ các cơ sở đã được Cơ quan thẩm quyền kiểm tra về ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều này), việc giám sát phải kết hợp hoạt động thăm định, chứng nhận lô hàng xuất khẩu và/hoặc thăm tra, đánh giá hoạt động truy xuất, điều tra xác định nguyên nhân, thiết lập và thực hiện biện pháp khắc phục đối với cơ sở có sản phẩm, lô hàng bị phát hiện không bảo đảm ATTP;

d) Nội dung giám sát theo biểu mẫu Biên bản tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Thông tư này. Trong quá trình giám sát nếu phát hiện hành vi vi phạm phải thực hiện lập Biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính và chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định;

đ) Xử lý kết quả giám sát: Trong thời hạn 3 (ba) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả giám sát, yêu cầu Cơ sở thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi (nếu có);

Trường hợp, Cơ sở không có biện pháp khắc phục theo thời hạn cam kết hoặc kết quả khắc phục không phù hợp, Cơ quan cấp chứng thư tạm ngừng cấp chứng thư và đề xuất thu hồi Giấy chứng nhận ATTP (nếu có), đưa cơ sở ra khỏi Danh sách xuất khẩu theo quy định.

3. Giám sát lô hàng sau chứng nhận

a) Cơ quan cấp chứng thư thực hiện giám sát lô hàng sau chứng nhận kết hợp khi giám sát điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc thẩm định, chứng nhận lô hàng xuất khẩu, thẩm tra, đánh giá hoạt động truy xuất nguồn gốc, điều tra xác định nguyên nhân đối với Cơ sở có sản phẩm, lô hàng bị phát hiện không bảo đảm ATTP hoặc thẩm tra, kiểm tra, giám sát chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phối hợp làm việc với Cơ quan Hải quan (nếu cần) hoặc kết hợp các hoạt động nêu trên;

b) Nội dung giám sát: Xem xét sự nhất quán thông tin, tài liệu, hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến của lô hàng sau khi được chứng nhận so với thông tin trong hồ sơ đăng ký thẩm định, thực tế giám sát tại cơ sở hoặc thông tin của lô hàng tại điểm tập kết, chờ xuất khẩu. Nội dung và kết quả giám sát theo Biểu mẫu tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, Cơ quan cấp chứng thư thực hiện lập biên bản làm việc hoặc Biên bản vi phạm hành chính và chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định, đồng thời có văn bản hủy bỏ hiệu lực Chứng thư (đã cấp).

c) Đối với lô hàng thủy sản sống dùng làm thực phẩm xuất khẩu có xuất xứ từ các cơ sở, địa điểm sản xuất phân bố ở các tỉnh/thành phố khác nhau, các cơ quan cấp chứng thư thực hiện phối hợp triển khai hoạt động giám sát sau chứng nhận để thẩm tra sự phù hợp thông tin truy xuất nguồn gốc của lô hàng đã, đang chờ xuất khẩu, điều kiện đảm bảo ATTP của các cơ sở trong chuỗi sản xuất thuộc địa bàn phụ trách”.

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Xử lý trường hợp lô hàng bị cảnh báo, sản phẩm không bảo đảm ATTP trước khi xuất khẩu

1. Đối với lô hàng bị cảnh báo bởi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi có thông tin cảnh báo chính thức của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có văn bản yêu cầu Cơ sở:

a) Thực hiện truy xuất nguồn gốc lô hàng, tổ chức điều tra xác định nguyên nhân dẫn đến lô hàng bị cảnh báo, thiết lập và thực hiện hành động khắc phục; báo cáo gửi Cơ quan cấp chứng thư theo mẫu nêu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn (đối với trường hợp thu hồi) theo quy định của Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Tạm dừng xuất khẩu vào các nước nhập khẩu tương ứng trong trường hợp có yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Chấp hành chế độ lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu vi phạm và chịu sự giám sát việc thực hiện hành động khắc phục bởi Cơ quan cấp chứng thư đối với từng lô hàng xuất khẩu của sản phẩm vi phạm hoặc sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm tương tự vi phạm được sản xuất tại Cơ sở cho đến khi Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này có văn bản chấp thuận báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở.

2. Đối với sản phẩm bị phát hiện không bảo đảm ATTP trước khi xuất khẩu: Cơ quan cấp chứng thư thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 27; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 31 Thông tư này.

3. Trường hợp lô hàng đã xuất khẩu, sản phẩm trước khi xuất khẩu bị phát hiện dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm:

a) Trong thời hạn 3 (ba) ngày kể từ thời điểm nhận được thông tin vi phạm, Cơ quan cấp chứng thư trực tiếp chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý liên quan tại địa phương thực hiện điều tra nguyên nhân trong toàn bộ chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến, xuất khẩu có liên quan đến vụ việc vi phạm.

b) Thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa phạm vi ảnh hưởng của vi phạm, lập biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm chuyên cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định (nếu có).

4. Sau khi nhận được báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra báo cáo giải trình của cơ sở, có văn bản gửi Cơ sở kết quả thẩm tra trong trường hợp cần bổ sung thông tin hoặc có văn bản gửi Cơ quan thẩm quyền trong trường hợp thẩm tra báo cáo đạt yêu cầu đối với trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả thẩm tra thực tế tới Cơ sở và báo cáo Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ khi kết thúc hoạt động thẩm tra thực tế;

5. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Cơ quan thẩm quyền đánh giá báo cáo thẩm tra của Cơ quan cấp chứng thư và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới Cơ sở.”

36. Sửa đổi tên Điều 37 như sau:

“Điều 37. Cơ sở tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu”

37. Sửa đổi, bổ sung điểm a, d khoản 1 Điều 37 như sau:

“a) Đăng ký với Cơ quan thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận ATTP, thẩm định bổ sung Danh sách xuất khẩu và chấp hành việc thẩm định theo kế hoạch của Cơ quan thẩm quyền;

d) Duy trì điều kiện bảo đảm ATTP đã được chứng nhận; Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thẩm quyền trong trường hợp ngừng sản xuất hoặc có thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi hệ thống quản lý an toàn thực phẩm so với phạm vi đã được thẩm định, chứng nhận;”

38. Bổ sung điểm g vào khoản 1 Điều 38 như sau:

“g) Trường hợp Chủ hàng là tổ chức, cá nhân không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng, Chủ hàng phải xây dựng và áp dụng quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm thủy sản không đảm bảo an toàn; thực hiện giám sát điều kiện bảo quản, thời gian, điều kiện vệ sinh của phương tiện và tính toàn vẹn của sản phẩm trong quá trình vận chuyển từ cơ sở chế biến, bảo quản xuất khẩu theo các quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật An toàn thực phẩm và Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT.”

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Kiểm tra viên thẩm định điều kiện đảm bảo ATTP

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp, căn cứ thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP đối với Cơ sở theo quy định tại Thông tư này;

b) Bảo mật các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh của Cơ sở đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, trung thực, khách quan và không phân biệt đối xử khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Không yêu cầu các nội dung ngoài quy định, gây sách nhiễu, phiền hà cho Cơ sở;

d) Chấp hành sự phân công của trưởng đoàn thẩm định và thủ trưởng Cơ quan thẩm định; chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước thủ trưởng Cơ quan thẩm định và trước pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu, mẫu vật (nếu có) phục vụ cho công tác thẩm định;

b) Ra vào nơi sản xuất, bảo quản, kho hàng; xem xét hồ sơ, lấy mẫu, chụp ảnh, sao chép, ghi chép các thông tin cần thiết để phục vụ cho nhiệm vụ thẩm định;

c) Lập biên bản, đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý trong trường hợp Cơ sở, vi phạm các quy định có liên quan đến bảo đảm ATTP;

d) Bảo lưu ý kiến cá nhân và báo cáo với thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền trong trường hợp chưa nhất trí với ý kiến kết luận của trưởng đoàn thẩm định nêu tại điểm b khoản 2 Điều 40 Thông tư này.”

40. Bổ sung Điều 39a sau Điều 39 như sau:

“Điều 39a. Kiểm tra viên thẩm định, chứng nhận chất lượng, ATTP

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp thẩm định, lấy mẫu thẩm tra hiệu quả kiểm soát mối nguy ATTP, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng đăng ký xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này;

b) Bảo mật các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh của Cơ sở đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, trung thực, khách quan và không phân biệt đối xử khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Không yêu cầu các nội dung ngoài quy định, gây sách nhiễu, phiền hà cho Cơ sở;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước thủ trưởng Cơ quan cấp chứng thư và trước pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Chủ hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu, mẫu vật (nếu có) phục vụ cho công tác thẩm định, lấy mẫu phục vụ cho hoạt động chứng nhận;

b) Ra vào nơi sản xuất, bảo quản, kho hàng; xem xét hồ sơ, lấy mẫu, chụp ảnh, sao chép, ghi chép các thông tin cần thiết để phục vụ cho nhiệm vụ thẩm định;

c) Lập biên bản, đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý trong trường hợp chủ hàng, cơ sở sản xuất có vi phạm các quy định có liên quan đến chất lượng, ATTP;

d) Từ chối thực hiện thẩm định trong trường hợp chủ hàng, cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại điểm b, c, khoản 1 Điều 38 Thông tư này.”

41. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Trưởng đoàn thẩm định

1. Khi thực hiện nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định có các trách nhiệm như một kiểm tra viên nêu tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này và các trách nhiệm khác như sau:

- a) Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn thẩm định để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định;
- b) Xử lý các ý kiến, kết quả thẩm định của các thành viên trong đoàn thẩm định và đưa ra kết luận cuối cùng tại biên bản thẩm định;
- c) Rà soát, ký biên bản thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền và trước pháp luật về kết quả đã được đoàn thẩm định thực hiện.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định có các quyền hạn như một kiểm tra viên nêu tại khoản 2 Điều 39 Thông tư này và các quyền hạn khác như sau:

- a) Đề xuất với thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh thành viên đoàn thẩm định để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định;
- b) Đưa ra kết luận cuối cùng của đoàn thẩm định về kết quả thẩm định.”

42. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

“Điều 41. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc

1. Trách nhiệm:

- a) Tổ chức thẩm tra hồ sơ, kiểm tra ATTP, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP; thẩm định, bổ sung Danh sách xuất khẩu theo khu vực phân công quản lý;
- b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm tra hồ sơ, kiểm tra ATTP, thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;
- c) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ có liên quan đến kết quả thẩm tra hồ sơ, thẩm định Cơ sở, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung Danh sách xuất khẩu; kiểm tra, hậu kiểm của các Cơ sở đúng quy định; cung cấp hồ sơ, báo cáo đầy đủ và chính xác về các vấn đề liên quan đến hoạt động thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu;
- d) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;
- đ) Bảo mật thông tin liên quan đến bí mật sản xuất, kinh doanh của các Cơ sở được thẩm định, cấp Giấy ATTP;
- e) Công bố, đăng ký, giới thiệu và cập nhật Danh sách các Cơ sở tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo từng thị trường theo quy định tại Thông tư này;

g) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật Danh mục các thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có yêu cầu Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này;

h) Cập nhật các quy định, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và nước nhập khẩu về điều kiện bảo đảm ATTP thủy sản thông báo đến các Cơ sở, Chủ hàng, các cơ quan, tổ chức có liên quan để thống nhất áp dụng.

2. Quyền hạn:

a) Thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận ATTP; thẩm định, bổ sung cơ sở vào Danh sách xuất khẩu; xử lý đối với các trường hợp Cơ sở vi phạm quy định tại Thông tư này theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu Cơ sở được thẩm định bố trí sản xuất thực tế đối với ít nhất một trong các sản phẩm đăng ký thẩm định với quy trình đầy đủ hoặc sản phẩm rủi ro cao phục vụ hoạt động thẩm định; yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục các điểm chưa phù hợp về điều kiện bảo đảm ATTP đã nêu trong biên bản thẩm định, kiểm tra ATTP; yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục đối với kết quả kiểm nghiệm chỉ tiêu vi phạm về ATTP theo quy định tại Thông tư này;

c) Thông báo đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường, danh sách cơ sở tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu, áp dụng biện pháp tạm dừng cấp Chứng thư đối với Cơ sở không đủ điều kiện bảo đảm ATTP quy định tại Thông tư này;

d) Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền liên quan để xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật.”

43. Bổ sung Điều 41a sau Điều 41 như sau:

“Điều 41a. Các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng

1. Trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu theo địa bàn được phân công;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

c) Thực hiện giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường;

d) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ có liên quan đến hoạt động giám sát duy trì điều kiện đảm bảo ATTP, kết quả thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu của các Cơ sở đúng quy định; cung cấp hồ sơ, báo cáo đầy đủ và chính xác về các vấn đề liên quan đến hoạt động thẩm định, cấp chứng thư xuất khẩu cho lô hàng thủy sản xuất khẩu khi Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc Cục yêu cầu;

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP và thẩm định, cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

e) Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại của Chủ hàng đối với việc thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu theo quy định;

g) Bảo mật thông tin liên quan đến bí mật sản xuất, kinh doanh của các Cơ sở được thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;

h) Quản lý, lập, cập nhật Danh sách ưu tiên theo quy định tại Thông tư này;

i) Báo cáo Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao quy định tại Thông tư này;

2. Quyền hạn:

a) Thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này; từ chối việc thẩm định, cấp Chứng thư trong trường hợp Chủ hàng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định nêu tại khoản 1 Điều 38 Thông tư này;

b) Yêu cầu Cơ sở được thẩm định thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp, sai lỗi về điều kiện bảo đảm ATTP đã nêu trong biên bản thẩm định, biên bản giám sát; thực hiện điều tra nguyên nhân, thiết lập biện pháp khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khắc phục khi Cơ quan cấp chứng thư và Cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu cảnh báo vi phạm về ATTP theo quy định tại Thông tư này;

c) Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền liên quan xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật.”

44. Sửa đổi Điều 42 như sau:

“Điều 42. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan phối hợp với Cơ quan cấp chứng thư trong hoạt động truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm thủy sản không bảo đảm an toàn đối với các cơ sở thuộc địa phương quản lý đã cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến xuất khẩu có sản phẩm vi phạm về ATTP.”

45. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, Điều, Phụ lục của Thông tư 48/2018/TT-BNNPTNT như sau:

- a) Bãi bỏ Điều 16, Chương V
- b) Bãi bỏ Phụ lục III, Phụ lục VIII;
- c) Bãi bỏ cụm từ “kiểm tra” tại các điểm, khoản sau: tên Điều 7; khoản 2, khoản 3 Điều 13; tên Điều 14; khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 37;
- d) Thay thế cụm từ “kiểm tra” bằng cụm từ “thẩm định” tại các điểm, khoản, điều sau: khoản 3 Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 23; tên Chương III; Điều 30; tên Điều 31; khoản 1 Điều 31; khoản 2 Điều 32; khoản 1, khoản 2 Điều 38; Phụ lục XV của Thông tư số 48/2013/TTBNNPTNT;
- đ) Thay thế cụm từ “Cơ quan kiểm tra, chứng nhận” bằng cụm từ “Cơ quan cấp chứng thư” tại các khoản, điều, Phụ lục sau: khoản 1, khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 30; khoản 1, khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 32; Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 43; Phụ lục XV của Thông tư số 48/2013/TTBNNPTNT;
- e) Thay thế cụm từ “Cơ quan kiểm tra, chứng nhận” bằng cụm từ “Cơ quan thẩm quyền” tại các điểm, khoản, điều, Phụ lục sau: điểm đ khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 2 Điều 37;
- g) Thay thế cụm từ “ Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản” bằng cụm từ “Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường” tại điểm b khoản 2 Điều 26;

46. Thay thế Phụ lục I bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục II bằng Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IV bằng Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục V bằng Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VI bằng Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VII bằng Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IX bằng Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục X bằng Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XI bằng Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XII bằng Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XIII bằng Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XIV bằng Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XVI bằng Phụ lục XVIII; Phụ lục XVII bằng Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.

47. Bổ sung Phụ lục IB Biểu mẫu Giám sát ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Cơ sở xếp hạng 1, 2 và trong danh sách ưu tiên trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục duy trì chế độ lấy mẫu thẩm tra mỗi ngày về ATTP cho đến khi có thay đổi xếp hạng ưu tiên;

b) Hồ sơ đăng ký thẩm định, chứng nhận ATTP; thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản gửi trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu, áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới tương ứng thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo Chính phủ; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ NN&PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, CCPT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam